

Bản án số: **83/2019/HS-ST**

Ngày: 25/11/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tổ Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lò Thị Đình

Bà Đoàn Thị Quế

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 87/2019/TLST- HS ngày 12 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2019/QĐXXST- HS ngày 13 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Đình B**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 25/02/1975, tại tỉnh Điện Biên; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở trước ngày bị bắt: Tổ dân phố 14 (nay là tổ dân phố 05), phường T, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12 phổ thông; Bố đẻ: Nguyễn Đình V (đã chết); Mẹ đẻ: Đỗ Thị T - Sinh năm: 1945; Vợ: Phạm Thị T - Sinh năm: 1984; Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2019. Tiền án: Không; tiền sự: Không; về nhân thân: Ngày 02/11/2016 Bị cáo bị Công an thành phố Điện Biên Phủ ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy", ngày 05/01/2017 Bị cáo đã chấp hành xong Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 15/8/2019 đến ngày 24/8/2019 sau đó bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam cho đến ngày xét xử (có mặt tại phiên tòa).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Đỗ Thị T** - Sinh năm 1945; Địa chỉ: Tổ dân phố 14 (nay là tổ dân phố 05), phường T, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 00 phút, ngày 15/9/2019 một mình bị cáo Nguyễn Đình B điều khiển chiếc xe máy BKS: 27B1- 085.26 đi từ nhà ở tổ dân phố 14 (nay là tổ dân phố 05), phường T, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xuống khu vực

bản X, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên với mục đích tìm mua ma túy Hồng phiến về sử dụng. Khi đi đến đoạn đường vào đầu bản X, Bị cáo gặp một người đàn ông (Bị cáo không biết tên tuổi địa chỉ) khoảng 35 tuổi, cao khoảng 1,60 m mặc áo phông quần đùi, dáng người gầy nhìn giống người nghiện ma túy. Người đàn ông đó đi lại gần Bị cáo hỏi mua ma túy gì? Bị cáo trả lời mua ma túy Hồng phiến, người đàn ông nói giá sáu mươi ngàn đồng một viên, Bị cáo lấy từ ví để ở túi quần đùi phía trước bên phải đang mặc ra số tiền 300.000 đồng, gồm 1 tờ tiền polyme mệnh giá 200.000 đồng và 01 tờ tiền polyme mệnh giá 100.000 đồng đưa cho người đàn ông và nói bán 05 viên Hồng phiến? Người đàn ông đồng ý cầm tiền Bị cáo đưa rồi đi bộ vào trong bản khoảng 10 phút sau quay lại đưa cho Bị cáo 01 gói nilon màu trắng bên trong có chứa 05 viên Hồng phiến. Bị cáo cầm gói ma túy Hồng phiến người đàn ông đưa cất giấu vào trong túi quần đùi phía trước bên trái đang mặc rồi điều khiển chiếc xe máy trên đi về Trung tâm điều trị Methadone thuộc phường N, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên thì bị tổ công tác Công an phường T, thành phố Điện Biên Phủ tiến hành kiểm tra phát hiện thu giữ trong túi quần phía trước bên trái Bị cáo đang mặc 01 gói nhỏ được gói ngoài bằng một mảnh nilon màu trắng bên trong có 05 viên nén đều màu hồng, đường kính khoảng 0,5 cm một mặt mỗi viên nén có kí hiệu WY nghi là ma túy tổng hợp (Bị cáo Nguyễn Đình B khai nhận đó là gói ma túy Hồng phiến của B cất giấu mục đích để bản thân sử dụng). Tổ công tác lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và niêm phong vật chứng theo quy định của Pháp luật để phục vụ công tác điều tra, xử lý vụ việc.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng ngày 15/8/2019 đã xác định: 05 viên nén màu hồng nghi là ma túy tổng hợp có tổng khối lượng là 0,51 gam (kí hiệu là M).

Tại bản Kết luận giám định số: 853/GĐ-PC09 ngày 22/8/2019 của phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Điện Biên kết luận mẫu vật gửi giám định của Nguyễn Đình B là chất ma túy: Loại Methamphetamine. Khối lượng vật chứng thu giữ là: 0,51g (Không phải năm mươi một gam) Methamphetamine. Hoàn lại 0,48 gam sau giám định. Loại Methamphetamine nằm trong danh mục chất ma túy, STT: 323, Mục IIC, Danh mục II, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018.

Tại bản Cáo trạng số: 85/CT- VKSTPĐBP ngày 11/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên truy tố Bị cáo về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên giữ nguyên quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo: Từ 15 tháng đến 18 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS:

Tịch thu tiêu hủy 0,48 gam Methamphetamine còn lại sau khi gửi giám định, 01 mảnh túi nilon màu trắng.

Đối với 01 điện thoại OPPO màu đồng kèm theo sim điện thoại là tài sản của bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà Đỗ Thị T (Mẹ đẻ của bị cáo) người được bị cáo ủy quyền nhận hộ.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA AIRBLADE, màu đỏ đen, BKS 27B1- 085.26; số khung: RLHJF2708BY235139, số máy: JF27E- 1019869, xe đã qua sử dụng kèm theo 01 chìa khóa xe máy. Quá trình điều tra đã xác định chiếc xe trên là tài sản của bà Đỗ Thị T (Mẹ đẻ của bị cáo), bà T không biết việc Bị cáo dùng xe vào việc phạm tội. Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra bị cáo khai trùng khớp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo đã thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo để Bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của Bị cáo:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đình B khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản mở niêm phong xác định khối lượng; Kết luận giám định, Kết luận điều tra, các bản cung, biên bản ghi lời khai, bản tự khai, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trong hồ sơ vụ án cũng như cáo trạng đã truy tố đối với Bị cáo, có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 09 giờ 45 phút ngày 15/8/2019, tại khu vực tổ 20, phường T, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, Bị cáo đã có hành vi cất giấu trái phép trên người 0,51 gam Methamphetamine, mục đích để sử dụng. Hành vi của Bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, vi phạm pháp luật. Hành vi nêu trên của Bị cáo có đủ các yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Điều 249 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

...

c....Methamphetamine....có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo thực hiện hành vi do lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, khẳng định Viện kiểm sát truy tố Bị cáo

về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Điều luật đã viện dẫn ở trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, không bị oan sai.

[2] Về tính chất của vụ án: Vụ án thuộc trường hợp nghiêm trọng. Hành vi cất giấu trái phép ma túy nhằm mục đích sử dụng của Bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây mất trật tự tại địa phương, gây dư luận xấu trên địa bàn. Mặt khác ma túy là hiểm họa của loài người, là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội và tội phạm khác, Bị cáo thiếu ý thức chấp hành pháp luật nên Bị cáo đã đi mua ma túy cất giấu để phục vụ nhu cầu bản thân sử dụng, Bị cáo đã coi thường pháp luật. Chính vì vậy, Bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra. Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với Bị cáo để giáo dục Bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của Bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Đình B không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với Bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Trong hồ sơ thể hiện bố, mẹ đẻ của Bị cáo được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến nên Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về nhân thân: Bị cáo sinh ra và lớn lên tại tổ dân phố 14, phường T, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên và được gia đình nuôi học hết lớp 12/12.

Năm 1995 là sinh viên trường Công nhân kỹ thuật điện T.

Năm 1997 tốt nghiệp ra trường về công tác tại Trung tâm y tế huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Đến năm 2000 chuyển về Trung tâm ý tế dự phòng tỉnh Đ công tác và bắt đầu sử dụng ma túy.

Năm 2002 công tác tại Điện lực quận B, thành phố H.

Năm 2006 nghỉ việc về sinh sống cùng gia đình tại tổ dân phố 14 (Nay là tổ dân phố 05), phường T, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Năm 2012 xây dựng gia đình với chị Phạm Thị T và có được 02 người con chung.

Ngày 02/11/2016 bị Công an thành phố Điện Biên Phủ ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy", ngày 05/01/2017 Bị cáo đã chấp hành xong Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên.

Việc đề nghị áp dụng hình phạt của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đối với Bị cáo là có căn cứ nên HĐXX cần chấp nhận.

Ngoài hình phạt chính Bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, xét thấy Bị cáo không có tài sản riêng có giá trị nên không có khả năng thi hành. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với Bị cáo.

[4] Về vật chứng vụ án:

Gồm 0,51 gam Methamphetamine gửi đi giám định, sau khi giám định còn hoàn lại 0,48 gam Methamphetamine, 01 mảnh túi nilon màu trắng không còn giá trị sử dụng cần tịch thu để hủy.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA AIRBLADE, màu đỏ đen, BKS 27B1- 085.26; số khung: RLHJF2708BY235139, số máy: JF27E- 1019869, xe đã qua sử dụng kèm theo 01 chìa khóa xe máy. Quá trình điều tra đã xác định chiếc xe trên là tài sản của bà Đỗ Thị T (Mẹ đẻ của bị cáo), bà T không biết việc Bị cáo dùng xe vào việc phạm tội. Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu. Xét thấy việc trả lại tài sản là có căn cứ, do vậy HĐXX chấp nhận.

[5] Các vấn đề khác:

Bị cáo khai nguồn gốc số ma túy Cơ quan điều tra thu giữ do Bị cáo mua của một người đàn ông ở bản X, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, Bị cáo không biết tên, địa chỉ, Cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra làm rõ. Vì vậy Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xử lý.

Đối với 01 điện thoại OPPO màu đồng kèm theo sim điện thoại là tài sản của bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà Đỗ Thị T (Mẹ đẻ của Bị cáo người được Bị cáo ủy quyền nhận hộ) là phù hợp.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Cơ quan truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[7] Về án phí:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị định số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 thì bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Điểm c, khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đình B phạm tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".
Xử phạt bị cáo: **18** (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (15/8/2019).

2. Về vật chứng vụ án:

Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu tiêu hủy: 0,48 gam Methamphetamine còn lại sau khi gửi giám định và 01 mảnh nilon màu trắng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/11/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên).

- Chấp nhận biên bản về việc trả lại tài sản ngày 28/10/2019.

3. Về án phí:

Áp dụng Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Đình B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/11/2019). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Nhà tạm giữ CATPĐBP;
- VKSND TP Điện Biên Phủ;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- CQCSĐT CATPĐBP;
- Những người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Chi cục THADS TP ĐB Phủ;
- Toà án ND tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Sở tư pháp;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

Đã ký

Trần Thị Tố Loan

